

Số: /2026/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định Danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác
trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ
tại chính quyền địa phương**

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2021/NĐ-CP và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định Danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại chính quyền địa phương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại chính quyền địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại chính quyền địa phương.

Điều 3. Danh mục các vị trí công tác định kỳ phải chuyển đổi

Danh mục vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại chính quyền địa phương định kỳ chuyển đổi tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc theo quy định tại Điều 3 Thông tư này là từ đủ 02 năm đến 05 năm (không bao gồm thời gian không làm việc thực tế theo quy định).

2. Thời điểm tính thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là thời điểm có hiệu lực thi hành của văn bản điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 5. Trường hợp chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác và chuyển đổi vị trí công tác trong trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp chưa chuyển đổi vị trí công tác thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2021/NĐ-CP và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP.

2. Chuyển đổi vị trí công tác trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2021/NĐ-CP và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Bãi bỏ các Thông tư sau:

a) Thông tư số 20/2022/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định Danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại chính quyền địa phương;

b) Thông tư số 01/2023/TT-BTTTT ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông tại chính quyền địa phương.

3. Các trường hợp thuộc danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Thông tư này đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Thông tư số 20/2022/TT-BKHCN và Thông tư số 01/2023/TT-BTTTT trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2022/TT-BKHCN và Thông tư số 01/2023/TT-BTTTT. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp tục theo

đổi, tính thời gian giữ vị trí công tác để định kỳ chuyển đổi theo thời hạn quy định tại Điều 4 Thông tư này.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ bằng văn bản để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị-xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ KH&CN, cổng TTĐT Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, TCCB, PC.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân